

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 194/TTr-SLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Số người lao động được hỗ trợ: 05 người.
2. Mức hỗ trợ: Theo Điều 22 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động được hỗ trợ.

4. Tổng kinh phí: 18.550.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

(*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

5. Nguồn kinh phí: Theo quy định tại khoản 2 Mục III Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính tham mưu cấp bổ sung nguồn kinh phí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để chi trả kịp thời cho đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và hướng dẫn việc thanh, quyết toán theo quy định.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của kết quả thẩm định đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ; thực hiện chi trả và thanh, quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT. VX.Ldho217



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đâu Thanh Tùng

**Phụ lục: DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP GẤP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số CMT/ Thẻ CCCD	Hộ khẩu thường trú	Tạm trú	Điện thoại liên hệ	Thời điểm chấm dứt HDLĐ (ngày tháng năm)	Doanh nghiệp đã làm việc trước khi chấm dứt HDLĐ	Số số BHXH	Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung				Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của NLD nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, ngân hàng)	Ghi chú	
		Nam	Nữ								Đang mang thai tháng thứ	Thông tin của con dưới 06 tuổi		Thông tin của vợ hoặc chồng				
												Họ tên	Năm sinh	Họ tên				Số CMT/ Thẻ CCCD
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị Hải Yến		24/3/1998	038198014892	Đông Tâm - Hải Nhân - Nghi Sơn - Thanh Hóa		0964418909	01/7/2021	Công ty TNHH Cau Vua	3823489982						3.710.000	Tên TK: Nguyễn Thị Hải Yến Số TK: 3522205284400 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)	Giáo viên trường mầm non Blue Sky thuộc Công ty TNHH Cau Vua
2	Lê Ích Sinh	02/02/1978		038078002636	Thọ Vực - Triệu Sơn - Thanh Hóa		0943672789	15/7/2021	Công ty TNHH Vận tải hành khách và TMDL Thọ Mười	2706005341						3.710.000	Tên TK: Lê Ích Sinh Số TK: 3516205230616 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)	
3	Lê Xuân Kiên	01/12/1975		171817485	Thọ Vực - Triệu Sơn - Thanh Hóa		0943958777	15/7/2021	Công ty TNHH Vận tải hành khách và TMDL Thọ Mười	2706005342						3.710.000	Tên TK: Lê Xuân Kiên Số TK: 50110001152190 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số CMT/ Thẻ CCCD	Hộ khẩu thường trú	Tạm trú	Điện thoại liên hệ	Thời điểm chấm dứt HDLĐ (ngày tháng năm)	Doanh nghiệp đã làm việc trước khi chấm dứt HDLĐ	Số số BHXH	Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung				Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của NLD nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, ngân hàng)	Ghi chú	
		Nam	Nữ								Đang mang thai tháng thứ	Thông tin của con dưới 06 tuổi		Thông tin của vợ hoặc chồng				
												Họ tên	Năm sinh	Họ tên				Số CMT/ Thẻ CCCD
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Nguyễn Thị Mười		08/3/1972	038172004741	Thọ Vực - Triệu Sơn - Thanh Hóa		0915245454	15/7/2021	Công ty TNHH Vận tải hành khách và TMDL Thọ Mười	2706005340						3.710.000	Tên TK: Nguyễn Thị Mười Số TK: 106000601538 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	
5	Phạm Thị Thu		28/6/1997	038197006749	Xuân Lâm - Nghị Sơn - Thanh Hóa		0338017945	01/7/2021	Công ty TNHH Cau Vua	3823361184						3.710.000	Tên TK: Phạm Thị Thu Số TK: 1014417495 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)	
TỔNG CỘNG																18.550.000		